TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2024.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam.

2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Lý Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2024/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quang Q, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Lê Quang Q đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, gia đình có tổ chức đám cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm năm 2001. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, do ông Q hay cờ bạc, nợ nần vay mượn của nhiều người, thường xuyên có người tới hăm dọa đòi nợ. Nhiều lần bà đã khuyên nhủ nhưng ông Q không thay

đổi, do bị đòi nợ nhiều nên ông Q phải đi nơi khác để làm ăn và trốn nợ. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng bà không còn sống chung cùng nhau, thỉnh thoảng ông Q về thăm con nhưng không ai quan tâm đến ai, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 con chung là Lê Thị Thanh N, sinh ngày 20/11/2002 và Lê Quang N1, sinh ngày 09/5/2006. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Quang N1 không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu về con chung như sau: Hiện nay các con N và N1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quang Q: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lê Quang Q. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường T, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Q nhưng ông Q vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: bà T và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 ngày 21/8/2001, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, do ông Q hay cờ bạc, nợ nần vay mượn của nhiều người, thường xuyên có người tới hăm dọa đòi nợ. Nhiều lần bà đã khuyên nhủ nhưng ông Q không thay đổi, do bị đòi nợ nhiều nên ông Q phải đi nơi khác để làm ăn và trốn nợ. Từ năm 2020 cho đến nay bà và ông Q không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. bà T có nộp cho Tòa án, đơn xác nhận tình trạng mâu thuẫn được Trưởng khu phố 2 xác nhận về việc ông Q lâu nay không còn sinh sống ở khu phố 2 điều đó thể hiện việc mâu thuẫn giữa bà T và ông Q là có thật, vợ chồng không còn sống chung cùng nhau. Đối với ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông Q không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: bà T và ông Q có 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh N, sinh năm 2002 và Lê Quang N1, sinh ngày 09/5/2006. Các con đã thành niên tự lao động nuôi sống bản thân bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Quang Q.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000301 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Kinh Dinh, TP.PR-TC
(GCNKH số: 41 ngày 21/8/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệu